

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA LÝ THUYẾT VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY ĐẾN DIỄN NGÔN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM SAU 1986

Trần Thị Ngọc Anh

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Tóm tắt. Có thể nói, diễn ngôn lý luận phê bình văn học Việt Nam sau 1986 bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi hệ thống lý luận phê bình văn học nước ngoài (chủ yếu là phương Tây) lúc này đã được công khai giới thiệu, hội nhập trên lĩnh vực văn học nghệ thuật nói riêng và lĩnh vực văn hóa nói chung. Đây là sức mạnh ngoại sinh vô cùng quan trọng trong việc tạo ra sự chuyển đổi diễn ngôn lý luận phê bình văn học Việt Nam trong thời kì đổi mới. Diễn ngôn lý luận phê bình văn học đã thay đổi lớn về cả nội hàm và ngoại diên góp phần nâng cao chất lượng hoạt động lý luận phê bình văn học nói riêng và sự phát triển của văn học Việt Nam hiện đại nói chung. Diễn ngôn mới qua sự ảnh hưởng của lý thuyết văn học phương Tây đã khẳng định được sự chủ động, năng động trong tư duy tiếp nhận và ứng dụng lý thuyết của lý luận phê bình văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

Từ khóa: Diễn ngôn, lý luận phê bình văn học Việt Nam, Diễn ngôn lý luận phê bình văn học Việt Nam hiện đại, lý thuyết văn học phương Tây.

1. Mở đầu

Diễn ngôn lý luận phê bình văn học Việt Nam sau 1986 bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi hệ thống lý luận phê bình văn học nước ngoài (chủ yếu là phương Tây) lúc này đã được công khai giới thiệu, đề nghị được học tập để tiến hành hoạt động giao lưu, hội nhập trên lĩnh vực văn học nghệ thuật nói riêng và lĩnh vực văn hóa nói chung. Đây là sức mạnh ngoại sinh vô cùng quan trọng trong việc tạo ra sự chuyển đổi diễn ngôn lý luận phê bình văn học Việt Nam trong thời kì đổi mới. Chỉ trong một thời gian ngắn, giới học thuật của ta được tiếp xúc khá toàn diện và đầy đặn các lý thuyết văn học phương Tây và phương Đông (Trung Quốc) ở cả góc độ bản dịch và nguyên tác. Sự tiếp xúc này đã làm thay đổi đáng kể nếu không muốn nói là lớn lao đến diện mạo diễn ngôn lý luận phê bình văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Tất nhiên, quá trình tiếp nhận những lý thuyết văn học nước ngoài không phải bao giờ cũng bằng phẳng. Trên thực tế sự du nhập này đã trải qua một

Ngày nhận bài 11/12/2013. Ngày nhận đăng 2/05/2014.
Liên lạc Trần Thị Ngọc Anh, e-mail: ngocanhdoremon@yahoo.com

quá trình chuyển đổi tư duy tiếp nhận khá cam go, thậm chí nhiều lúc ở tình trạng bài xích, phủ định sạch trơn những lí thuyết được du nhập ấy. Nhưng kết quả cuối cùng, trên một tinh thần hội nhập, tiếp thu những tinh hoa và phù hợp với thực tiễn văn học nước nhà, chúng ta đã tìm được tiếng nói chung đồng thời bước đầu cũng khẳng định được bản lĩnh riêng trong quá trình tiếp thu và ứng dụng những thành tựu văn học ngoài quốc gia.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những tiền đề cơ bản

Những năm đầu sau đổi mới khoảng (1986 - 1991) (tất nhiên cũng đã có manh nha từ đầu 1980), cùng trong học tập tinh thần Nga Xô, thì bên cạnh nỗ lực tiếp thu lí thuyết của tác giả kinh điển như: M.Kharapchenco, Markov, G. Pospelov... ta cũng đã bắt đầu tìm tới lí thuyết thuộc dòng phi chính thống của Nga là M. Bakhtin, IU. Lotman... Hơn nữa, quốc gia xã hội chủ nghĩa láng giềng là Trung Quốc cũng đã tiến hành đổi mới, chỉ ra những sai lầm và hạn chế trong diễn ngôn văn học cũ. Điều này đã làm gia tăng niềm tin trong giới nghiên cứu của ta khi đang “chập chững” trong tư duy đổi mới. Nó cũng chứng tỏ đổi mới không chỉ là khẩu hiệu mà chính là trách nhiệm và nghĩa vụ của các nhà văn, nhà nghiên cứu chân chính. Yếu tố trên, là một “cú hích” mạnh mẽ văn học của ta mở cửa đón nhận những lí thuyết văn học nước ngoài mà chủ yếu là những lí thuyết văn học phương Tây hiện đại, hậu hiện đại. Mong muốn được hiểu và học tập tinh thần mới của phương Tây để phát triển văn học nước nhà.

Vì vậy, năm 1996 (10 năm sau đổi mới), khi Internet đã tạo điều kiện mạnh mẽ và rộng lớn chưa từng có để các độc giả, các nhà nghiên cứu Việt Nam giao lưu, hội nhập cùng thế giới. Tại các trang mạng người ta chỉ cần search (tra) một từ, một cụm từ cần thiết là có thể tìm ra được rất nhiều tài liệu có liên quan và cũng rất đáng tin cậy. Các trang cá nhân của những chuyên gia đầu ngành và của các cây bút phê bình trẻ đã góp công lớn trong việc dịch thuật, giới thiệu phân tích các lí thuyết văn học mới của thế giới. Điều này đã rút ngắn rất nhiều hành trình lĩnh hội tri thức và hội nhập vào văn hóa khoa học của nhân loại cả về chất lượng và số lượng. Trong thập kỉ 90 – thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XX, các bài dịch, giới thiệu lí thuyết văn học nước ngoài xuất hiện với tần số ngày càng tăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành như: *Tạp chí văn học*, *Tạp chí văn học nước ngoài*, báo *Văn nghệ*, *Nhà văn*... Mạng sách nghiên cứu đặc biệt thay đổi về cả chất lượng và số lượng. Người đọc, nhà nghiên cứu có thể tìm thấy các nội dung nghiên cứu mới: “*Các vấn đề khoa học của văn học* (Trương Đăng Dung chủ biên - 1990); *Từ kí hiệu học đến thi pháp học* (Hoàng Trinh - 1992); *Triết học và mỹ học phương Tây hiện đại* (Nguyễn Hải Hào chủ biên - 1992); *Tìm hiểu lí luận văn học phương Tây hiện đại* (Phương Lựu - 1995), *Phê bình văn học Pháp thế kỉ XX* (Lộc Phương Thủy chủ biên - 1995) và *Mười trường phái lí luận văn học phương Tây đương đại* (1998) của Phương Lựu, *Từ văn bản đến tác phẩm văn học* của Trương Đăng Dung (1998), *Nghiên cứu văn học, lí luận và ứng dụng* của Nguyễn Văn Dân (1998) ... rồi các công trình dịch có giá trị như: *Alain Robbe – Grillet và sự đổi mới tiểu thuyết* (Lê Phong Tuyết giới thiệu và dịch - 1993), M. Kundera: *Nghệ thuật tiểu thuyết* (Nguyễn Ngọc dịch - 1998), J.P. Sartre: *Văn học là gì?* (Nguyễn

Ngọc dịch - 1999)...” [1]

Chuyển sang những năm đầu thế kỉ XXI đến nay, số sách nghiên cứu và các công trình dịch văn học, lí luận văn học nước ngoài tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng. Sự gia tăng về chất lượng đã mang đến một không khí học thuật vô cùng sôi nổi. Rất nhiều nhà nghiên cứu và bạn đọc muốn trực tiếp tiếp cận với văn bản gốc để tìm hiểu thậm chí tranh luận với những gì đã được giới thiệu với một mong muốn nâng cao hơn nữa chất lượng của lí luận phê bình văn học nước nhà. Cần kể đến: “*Văn học so sánh, lí luận và ứng dụng* (Lưu Văn Bồng chủ biên - 2000), *Lí luận phê bình văn học phương Tây thế kỉ XX* (Phương Lựu - 2001), *Chủ nghĩa cấu trúc và thuyết hiện sinh* (Trần Thiện Đạo - 2001), *Văn học hậu hiện đại thế giới – những vấn đề lí thuyết*, hay hàng loạt cuốn sách của tác giả Đỗ Lai Thúy từ năm 2000 đến nay về Phân tâm học... Các công trình dịch có giá trị như: *M. Kundera: Tiểu luận* (Nguyễn Ngọc dịch - 2000), *Văn học Phi lí* (Nguyễn Văn Dân giới thiệu và dịch cùng người khác), *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học* (Trịnh Bá Đĩnh dịch và giới thiệu - 2002), *Phê bình lí luận văn học Anh – Mỹ* (Lê Huy Bắc chủ biên - 2002), *Plin và Tzurganova: Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu – Hoa Kỳ thế kỉ XX* (Đào Tuấn Ảnh, Trần Hồng Vân và Lại Nguyên Ân dịch - 2003); Iu. M. Lotman: *Cấu trúc văn bản nghệ thuật* (Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Thu Thủy dịch - 2004), Kate Hamburger: *Logic học về các thể loại văn học* (Trần Ngọc Vương, Vũ Hoàng Địch dịch - 2004), Roland Barthes: *Độ không của lối viết...*” [2]

2.2. Bước chuyển biến tích cực

Sự tiếp nhận mạnh mẽ (tất nhiên vẫn có sự chọn lọc) các lí thuyết văn học nước ngoài đã làm thay đổi lớn lao ngoại diên cũng như nội hàm của diễn ngôn lí luận phê bình trong nền văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Những diễn ngôn mang tính phủ định, bài xích với một số lí thuyết văn học hiện đại và hậu hiện đại của phương Tây đã dần triệt tiêu thay thế vào đó là những diễn ngôn mang tính đối thoại, giao lưu, ứng dụng với một tinh thần học hỏi rất rõ rệt.

Nếu như trước đây, lí luận phê bình văn học rất ít nhắc đến (theo chiều hướng tích cực) những cái tên như: chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa cấu trúc, giải cấu trúc, chủ nghĩa hiện đại, hậu hiện đại, chủ nghĩa thực dân, hậu thực dân, nữ quyền, phê bình mới, phê bình ngôn ngữ rồi phân tâm học, tâm phân học... thì nay lại được công khai, khuyến khích tìm hiểu, thể nghiệm vào văn học Việt Nam. Cụm từ chung “trào lưu lệch lạc” trong diễn ngôn lí luận phê bình trước đây đã được thay bằng “trào lưu mới, tiến bộ” hoặc sử dụng chính tên của các trào lưu, trường phái với một thái độ học hỏi, trân trọng. Hàng loạt các công trình nghiên cứu lớn nhỏ đều đặt trọng tâm vào các từ khóa kể trên. Như: *Văn học hiện đại – Văn học Việt Nam: Giao lưu – gặp gỡ* (Trần Thị Mai Nhi), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh, Phân tâm học và tình yêu của Đỗ Lai Thúy...* hay *Chủ nghĩa hiện sinh: lịch sử sự hiện diện ở Việt Nam* Nguyễn Tiến Dũng. Đây là công trình chuyên ngành triết học, nhưng đọc nó lại thấy rất rõ những giá trị triết học lại được thấm thấu qua văn học – văn học hiện sinh Việt Nam và rất nhiều các công trình khác nữa. Giới nghiên cứu, nhà phê bình, bạn đọc đã thực sự cảm thấy phấn khích và hồ hởi khi thấy mình có thể mở ra những chân trời mới trong việc cắt nghĩa và lí giải các hiện tượng văn học. Việc mỗi một lí thuyết

văn học có thể giúp người đọc tìm hiểu các mảng giá trị văn học khác nhau của mỗi tác phẩm đã làm cho đời sống lí luận phê bình Việt Nam bớt đi sự gầy guộc để trở nên “màu mỡ” và “tươi tốt” hơn.

Rõ ràng, khi được nhìn nhận công bằng hơn nói cách khác được cởi trói tư duy trong văn hóa tiếp nhận người ta thấy như trút được gánh nặng của những khó chịu, những “không hết nghĩa”, những “cảm thấy khuôn thước, giáo điều” để đến với thế giới văn học đa nghĩa, sâu sắc mà lại rất nghệ thuật. Người ta có thể sử dụng các lí thuyết văn học để tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của một tác phẩm. Cho dù có những khía cạnh rất nhỏ nhưng cũng đem lại nhiều thú vị và những chiều sâu văn học đầy ý nghĩa. Điều này giải thích vì sao cùng một tác phẩm văn học hoặc một hiện tượng văn học lại có thể đề xuất rất nhiều đề tài trong cả nghiên cứu lẫn đào tạo. Diễn ngôn lí luận văn học trở nên đa dạng, khoa học và giàu tính đối thoại trên một tinh thần xây dựng và phát triển. Người ta cũng nhận thấy rất rõ một tinh thần công bằng và thẳng thắn trong diễn ngôn lí luận mới. Các quan điểm khác nhau thậm chí đối lập nhau về cùng một vấn đề, một tác phẩm văn học vẫn song song tồn tại trong một trạng thái “chung sống hòa bình” chứ không như trước đây theo kiểu “một mất, một còn”.

Cùng một lúc ta tiếp thu cả chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại với những trào lưu và khuynh hướng sáng tác, phê bình khác nhau tạo ra một sự nhảy vọt trong tư duy và thực tiễn nghiên cứu văn học. Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu ở ta hiện nay ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa hậu hiện đại. Cuộc cách mạng đến với giai đoạn hậu hiện đại và hình như bỏ qua giai đoạn hiện đại đã làm cho trạng thái diễn ngôn lí luận phê bình của ta ở trong trạng thái “nén cao độ”. Tức là ta luôn nói về hậu hiện đại trong thế so sánh với hiện đại – cái mà có lẽ không phải nhà nghiên cứu nào cũng hiểu rõ. Vì thế lí luận phê bình văn học luôn trong tình trạng “giải nén” diễn ngôn. Nói như ngôn ngữ của kí hiệu học là vừa tạo lập mã vừa giải mã để hiểu một vấn đề trong văn hóa đọc cũng như văn hóa xác lập, tạo dựng diễn ngôn.

Chính những diễn ngôn chủ đạo của lí luận văn học mới như: “giao lưu”, “gặp gỡ”, “đối thoại”, “so sánh, đối sánh”... thay thế dần cho diễn ngôn “tác động”, “ảnh hưởng”, “học tập”, “bài học” đã làm cho vị thế của lí thuyết văn học nước ngoài và cả văn học Việt Nam được nâng cao và sử dụng tương đối độc lập. Cụm từ “ảnh hưởng, học tập, bài học” làm cho văn học của ta phần nào bị lép vế trong khi đối sánh. Ta phát triển gì cũng dựa vào tiêu chí của người khác. Còn “giao lưu, gặp gỡ” hay “đối thoại, đối sánh” lại mang đến một không khí khác. Không khí bình đẳng, cởi mở hơn, có đi có lại, không hoàn toàn phụ thuộc. Vì thế, sau đổi mới, ta thấy ngoài các công trình lấy những cụm từ trên làm chìa khóa nghiên cứu trên tiêu đề thì nội dung cũng hướng tới việc giao thoa, gặp gỡ một cách ngẫu nhiên không hẹn trước giữa các hiện tượng văn học Việt Nam và thế giới. Mục đích là để khẳng định: văn học Việt Nam không phải là lạc hậu, kém hiện đại mà đó là một nền văn học vốn chứa đựng rất nhiều nhân tố có giá trị ngang hàng với văn học nước ngoài. Chỉ có điều, do hoàn cảnh lịch sử xã hội chưa có điều kiện được thể hiện ra mà thôi. Ví dụ: *Việt Nam và phương Tây – tiếp nhận và giao thoa trong văn học* (Đăng Anh Đào).

Người ta có thể khen, chê dựa trên những cứ liệu khoa học khác nhau. Tất nhiên,

cũng phải nói rõ, cái khen chê ở đây không hoàn toàn là “đổi lập” mà chủ yếu là sự “khác biệt”. Mà “khác biệt” là nền tảng để tạo nghĩa cho nghĩa cho sự vật hiện tượng. Tác phẩm văn học tồn tại là nhờ quá trình tiếp nhận – lí thuyết mà trước đây chưa được coi trọng, giờ được coi như một nhân tố trung tâm. Nếu tiếp nhận trùng khít, các giá trị được khẳng định lặp đi lặp lại thì đời sống của tác phẩm sẽ ngán ngùi. Còn tiếp nhận khác biệt nhưng trong xu thế khẳng định giá trị và sử dụng các cứ liệu lí thuyết tin cậy thì tác phẩm sẽ có sức sống lâu dài. Diễn ngôn lí luận phê bình nhờ thế mà cũng phong phú, sâu sắc hơn.

Những năm gần đây, không khó để nhận ra các diễn ngôn chính trong lí luận phê bình thường xoay quanh các chủ đề: Thi pháp, tự sự, cấu trúc, thể loại, phân tâm học – tâm phân học, thực dân – hậu thực dân, nữ quyền, ngôn ngữ, diễn ngôn. Từ đây cũng hình thành các khuynh hướng chính trong diễn ngôn lí luận phê bình văn học:

Thứ nhất, lấy chính tên các học thuyết, trường phái làm trọng tâm tiêu đề, làm từ khóa trong các công trình nghiên cứu như: Thi pháp học, tự sự học, hiện đại – hậu hiện đại, cấu trúc, giải cấu trúc, kí hiệu học, liên văn bản ... và gần đây chính là vấn đề “diễn ngôn” – với mong muốn có một cái nhìn tổng thể hơn và khách quan hơn trong nghiên cứu văn học.

Thứ hai, lấy các luận điểm cơ bản trong các lí thuyết văn học làm trọng tâm tiêu đề và đối tượng hướng tới trong nghiên cứu như: không gian, thời gian nghệ thuật, hình tượng tác giả, hình tượng nhân vật ... (của thi pháp học), người kể chuyện, không gian, thời gian trần thuật, ngôi kể, điểm nhìn ... (của tự sự học), tính dục, ngôn ngữ thân thể ... (phân tâm học), kết cấu, điểm nhìn ... (chủ nghĩa cấu trúc), biểu tượng, hình tượng ... (kí hiệu học), tính đối thoại, đa thanh, phức điệu trong lí thuyết văn học của M.Bakhtin ...

Thứ ba, điểm quan trọng khi ta tiến hành tiếp nhận và chịu ảnh hưởng của văn hóa, văn học nước ngoài là việc xuất hiện rất nhiều những thuật ngữ, những khái niệm “lạ” – có nghĩa là chưa quen dùng hoặc chưa gặp bao giờ trong văn học như: Thân thể, độ không (Độ không của lối viết), cacnaval, sinh thái, lạ hóa, tính dục, phân tâm, cấu trúc, hiện sinh, mảnh vỡ, hiện thực thậm phồn, trò chơi (trong văn học), đứt đoạn và tái sinh, kí hiệu, liên văn bản... Điều này làm cho diễn ngôn lí luận phê bình hiện đại trở nên đồng điệu hơn với diễn ngôn lí luận phê bình văn học thế giới.

Trên tinh thần hội nhập, mặc dù còn có một khoảng cách không nhỏ về mặt khoa học của các vấn đề lí thuyết chúng ta đã không loại trừ mà cố gắng hiểu và sử dụng nó trong nghiên cứu văn học. Thái độ chấp nhận đó cho phép diễn ngôn văn học mở rộng tới đa biên độ biểu đạt. Diễn ngôn lí luận phê bình văn học mang một thái độ dung hòa, tổng hợp nhưng cũng không hoàn toàn dễ dãi. Điều này làm cho lí luận phê bình văn học được tự do hơn trong môi trường hoạt động của mình.

Có thể nói, việc vận dụng các lí thuyết văn học nước ngoài trong nghiên cứu văn học ở ta đã trả văn học về đúng bản chất nghệ thuật. Văn học nghệ thuật vẫn không xa rời chính trị nhưng nó bồi đắp tư tưởng chính trị và nội dung đường lối theo hướng mới tạo ra những văn phẩm, văn nghệ sĩ làm giàu khả năng nghệ thuật và văn hóa để cùng quốc gia hội nhập và phát triển bằng chính những sáng tạo và nghiên cứu văn học thực thụ.

Thứ tư, một trong những sự ảnh hưởng quan trọng của lí thuyết văn học nước ngoài đến diễn ngôn lí luận phê bình văn học của ta đó là cách diễn đạt cộng sinh. Có nghĩa

là ta sử dụng nguyên nghĩa cách viết hoặc phát âm các thuật ngữ nước ngoài trong học thuật. Chấp nhận nó với tư cách là những thuật ngữ trọn vẹn cả nội dung và hình thức như: cacnaval, phản tư ...

Thứ năm, sự tiếp nhận lí thuyết văn học nước ngoài làm cho diễn ngôn lí luận phê bình thay đổi rất lớn nội dung biểu đạt. Nếu như trước đây, diễn ngôn lí luận phê bình chủ yếu bàn về nội dung trong xu thế khẳng định giá trị xã hội to lớn của nội dung. Nói cách khác là diễn ngôn theo xu hướng xã hội học. Thì nay, diễn ngôn lí luận phê bình chuyển hướng trọng tâm sang nghiên cứu các yếu tố hình thức với tư cách là phương thức hình thành và xuất hiện của nội dung. Không khó để nhận ra diễn ngôn lí luận phê bình hiện đại phần lớn tập trung vào các lí thuyết về hình thức nghệ thuật (biểu đạt) của văn học như: phê bình ngôn ngữ học, kí hiệu học, cấu trúc, liên văn bản ... Rõ ràng, dấu ấn của phương Tây thể hiện rất rõ trong các kiểu diễn đạt của diễn ngôn lí luận phê bình mới. Người nghiên cứu và người tiếp nhận đều hướng tới xu thế lấy các lí thuyết văn học phương Tây áp dụng vào các trường hợp văn học Việt Nam để mong muốn tạo ra một cách tiếp cận mới, hướng đi mới so với truyền thống hoặc so với các trường phái khác. Vì vậy, tại diễn ngôn “lịch sử văn đề” của rất nhiều các công trình nghiên cứu lớn nhỏ không khó để nhận thấy những sự liệt kê về các kết quả nghiên cứu khác của cùng một vấn đề. Kiểu diễn đạt này trong diễn ngôn lí luận phê bình hiện đại đã trở nên quen thuộc và phổ biến trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Có thể nói, sự xuất hiện của các lí thuyết văn học phương Tây trong hoạt động nghiên cứu văn học ở Việt Nam đã tác động và tạo ra những thay đổi to lớn đối với hệ thuật ngữ chính của lí luận, phê bình văn học ở ta. Bên cạnh hệ thuật ngữ của hệ hình lí luận, phê bình văn học Mác xít là sự mở rộng hệ thống thuật ngữ, các cụm từ chìa khóa theo nội hàm lí thuyết văn học mới từ phương Tây. Điều này đã góp phần không nhỏ vào khả năng phát triển và hội nhập của lí luận, phê bình văn học Việt Nam với thế giới.

2.3. Một số hạn chế

Bên cạnh những tác động tích cực đến diễn ngôn lí luận, phê bình văn học Việt Nam thời kì đổi mới, lí thuyết văn học phương Tây cũng tạo ra cho diễn ngôn lí luận, phê bình những phức tạp, những rối rắm mà không phải khi nào cũng được lí giải thỏa đáng.

Từ sau 1986 ở ta xuất bản khá nhiều sách cả nghiên cứu lẫn giới thiệu kiến thức. Diễn ngôn lí luận phê bình thường dừng lại ở góc độ giới thiệu lí thuyết và lịch sử lí thuyết. Cụm từ “lí thuyết và lịch sử” trở thành một trong những diễn ngôn chủ đạo khi ta tiến hành giới thiệu và bước đầu học tập các lí thuyết mới của văn học phương Tây về các vấn đề: Thi pháp, Tự sự, diễn ngôn, hiện đại, hậu hiện đại ... Điều này chứng tỏ, diễn ngôn lí luận phê bình ở ta vẫn đang ở giai đoạn tiếp thu, tiếp nhận và bước đầu học tập. Trên thực tế, mỗi khi có lí thuyết được giới thiệu vào thì khả năng ứng dụng, sử dụng còn rất hạn chế. Thường thì chỉ tập trung vào các đơn vị có nhóm chuyên gia hoặc các cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ. Vì thế khả năng phát triển trên quy mô rộng còn gặp nhiều cản trở. Do đó, việc chuyển đổi diễn ngôn lí luận phê bình chưa thật đồng bộ. Chưa nói đến việc không phải bao giờ và lúc nào ta cũng có thể sử dụng được những lí thuyết nước ngoài vào nghiên cứu, giảng dạy ngay. Điều này là nguyên nhân của thực trạng dạy lí luận văn học

ở ta hiện nay. Nhóm chuyên gia trung tâm nhận thấy cần phải đổi mới, năng động trong dạy học lí luận văn học. Nhưng các đơn vị thành viên tại các địa phương chưa thể thực hiện điều này. Một mặt, giáo trình chưa thay đổi lớn, một mặt những kiến thức văn học du nhập chưa được tập huấn kĩ lưỡng. Một số giảng viên, giáo viên đi học chuyên ngành về thì cũng lắm là xây dựng được chuyên đề, tổ chức được hội nghị khoa học, hướng dẫn được 1,2 sinh viên làm đề tài nghiên cứu, làm khóa luận. Nhưng thực sự phạm vi và thời hạn sử dụng không cao. Chưa nói đến khi thành lập hội đồng đánh giá ở cơ sở thì không phải ai cũng có thể hiểu và thảo luận được. Do vậy, cũng không khó để nhận ra một trong những kiểu diễn đạt rất tiêu biểu trong diễn ngôn lí luận phê bình ở ta khi nói về những cái mới hoặc lí thuyết văn học nước ngoài là thường xuyên sử dụng các cụm từ như: “bước đầu, thử nghĩ, thử bàn, thêm một, ...”. Đây cũng là biểu hiện của khía cạnh vừa có phần thận trọng vừa có phần e dè của người nghiên cứu. Trong diễn ngôn lí luận phê bình ở ta hình như vẫn cố để dành những khoảng trống cho những “đường lui”, những “đề phòng” bị phân tích, mổ xẻ. Tâm lí trên cũng là khó tránh. Vì ta thực sự cầu thị và muốn học tập nhưng ta cũng đã thừa nhận sự còn non trẻ và ít vốn trong việc xây dựng và sử dụng lí thuyết văn học đương đại cùng thế giới.

Diễn ngôn lí luận phê bình dưới sự ảnh hưởng của lí luận văn học phương Tây hiện mang màu sắc và tinh thần hậu hiện đại rất rõ rệt. Đó là kiểu diễn ngôn luôn đề cao chủ thể trong tính dân chủ. Không có ý định xác lập lí thuyết tuyệt đối đúng vì thế mà không bó khuôn và chật hẹp trong nghiên cứu và tranh luận. Diễn ngôn mang tính mở rất rõ rệt. Cả người nghiên cứu và người đọc đều được quyền phát biểu ngang nhau trên tinh thần xây dựng. Tại một số tạp chí và báo chuyên ngành như: *Nghiên cứu văn học*, *Tạp chí Nhà văn*, báo *Văn nghệ*... và các trang mạng về văn học người đọc nhận thấy một nội dung phong phú, đa diện. Các trường phái, trào lưu văn học được giới thiệu, nghiên cứu đồng thời thể hiện quan điểm sẵn sàng tiếp thu, hội nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của lí thuyết văn học nước ngoài với nền văn học Việt Nam bên cạnh những mặt tích cực như đã kể trên cũng còn tồn tại những hạn chế mà quá trình khắc phục nó cũng hết sức khó khăn. Nó làm cho diễn ngôn lí luận phê bình nhiều lúc vẫn rơi vào trạng thái rối rắm, nhập nhằng và nhiều lúc trong tình trạng mơ hồ không rõ nghĩa.

Trước hết, ngôn ngữ ngoại nhập không phải bao giờ cũng có thể dịch đúng, dịch chuẩn chưa nói là hiểu chúng cho chính xác. Một từ, một thuật ngữ lí luận các thời kì khác nhau cũng có sự dịch thuật không thật trùng khít. Điều này, không chỉ gây rắc rối cho sự biểu đạt của diễn ngôn mà còn tạo ra những khó khăn không nhỏ trong công tác nghiên cứu. Ví dụ: chủ nghĩa hiện sinh: theo tiếng Pháp thì trước đây có người dịch là chủ nghĩa sinh tồn, tiếng Đức dịch là hiện sinh, chủ nghĩa cấu trúc có khi được dịch qua tiếng Trung Quốc lại gọi là chủ nghĩa kết cấu ... Các công trình dịch cũng tương tự như vậy. Người thì dịch bằng nguyên văn, người thì dịch qua ngôn ngữ của các quốc gia khác (các nghĩa này hiểu theo tiếng Việt cũng không hoàn toàn trùng khít).

Thứ hai, ta cũng vấp phải khó khăn trong văn hóa tiếp nhận. Đa phần các lí thuyết văn học nước ngoài đều xuất phát từ thực tiễn văn học khác chúng ta rất nhiều. Vì thế, vấn đề đặt ra là hiểu và ứng dụng nó thế nào ở Việt Nam. Đây có lẽ cũng là nguyên nhân